

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 106/2023/NQ-HĐND

Hà Tĩnh, ngày 14 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Người cao tuổi ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi; số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết Luật Người khuyết tật; số 20/2021/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội; số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 269/TTr-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025; Báo cáo thẩm tra số 354/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thống nhất của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025

1. Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ 3, điểm a khoản 1 Điều 10

Sửa đổi cụm từ: “Bản sao sổ hộ khẩu hoặc căn cước công dân” thành “Bản sao căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân (còn có giá trị)”.

2. Sửa đổi gạch đầu dòng (-) thứ 3, điểm b khoản 1; gạch đầu dòng thứ 3, điểm c khoản 1 Điều 10

Sửa đổi cụm từ: “Bản sao Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc căn cước công dân hoặc văn bản xác nhận của Công an cấp xã” thành “Bản sao căn cước công dân hoặc chứng minh nhân dân (còn có giá trị)”.

3. Sửa đổi gạch đầu dòng thứ 5 (-) điểm c khoản 1 Điều 10

Sửa đổi cụm từ: “Hồ sơ bệnh án điều trị bệnh, tật (nếu có) thành “Bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ra viện và bản sao tóm tắt hồ sơ bệnh án theo quy định (nếu có)”.

4. Bổ sung khoản 3 Điều 11 như sau:

“3. Người khuyết tật thần kinh, tâm thần mức độ đặc biệt nặng thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo có nguyện vọng được tiếp nhận, chăm sóc, nuôi dưỡng tại Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội”.

Thẩm quyền, quy trình, hồ sơ và thủ tục tiếp nhận đối tượng quy định tại khoản này áp dụng theo Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP”.

5. Bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Mức trợ giúp chăm sóc, nuôi dưỡng đối với nhóm đối tượng quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết này được hưởng các chế độ như các đối tượng đang được nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội (theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP). Đối tượng được tiếp nhận vào sống tại các cơ sở trợ giúp xã hội thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng tại cộng đồng.”

6. Sửa đổi, bổ sung tên Chương VI như sau:

“Chương VI**TẶNG QUÀ NHÂN KỶ NIỆM NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ,
TẾT CỔ TRUYỀN CỦA DÂN TỘC HÀNG NĂM”**

7. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 1 Điều 14 như sau:

“d) Đại diện thân nhân Liệt sĩ hoặc người thờ cúng Liệt sĩ; Đại diện thân nhân hoặc người thờ cúng Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã từ trần;”

8. Bổ sung điểm e, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 14 như sau:

“e) Đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn: Trẻ em mồ côi không nơi nương tựa, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi đơn thân thuộc hộ nghèo; những người này đang hưởng trợ giúp xã hội hàng tháng tại cộng đồng hoặc đang được chăm sóc, nuôi dưỡng tại các cơ sở trợ giúp xã hội;

g) Người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo;

h) Người cao tuổi tròn 100 tuổi và tròn 90 tuổi do Hội người cao tuổi cấp tỉnh đề xuất để Lãnh đạo tỉnh đi chúc thọ, mừng thọ (không quá 03 người/huyện)”.

i) Cựu chiến binh tham gia kháng chiến chống Pháp (không thuộc đối tượng tặng quà của Chủ tịch nước và đối tượng tặng quà được quy định khoản 1, Điều 14 của Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND).

9. Sửa đổi điểm b và bổ sung điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 14 như sau:

“b) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được tặng quà bằng hiện vật, trị giá 300.000 đồng/người/lần;

“d) Đối tượng quy định tại điểm e, điểm g, điểm i khoản 1 Điều này được tặng quà bằng tiền mặt nhân dịp Tết Nguyên đán hàng năm, mức 300.000 đồng/người/lần;

đ) Đối tượng quy định tại điểm h, khoản 1 Điều này được tặng quà bằng hiện vật nhân dịp Tết Nguyên đán, trị giá 500.000 đồng/người/lần.”

10. Bổ sung khoản 3 Điều 14 như sau:

“3. Quy trình thực hiện

a) Quy trình tặng quà nhân dịp kỷ niệm Ngày Thương binh - Liệt sĩ

- Hàng năm, trước ngày 01/6, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đối tượng do địa phương quản lý), cơ sở trợ giúp xã hội (đối với đối tượng do cơ sở Trợ giúp xã hội quản lý) rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ, nhu cầu kinh phí (Mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này), có Văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã), gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với cơ sở Trợ giúp xã hội);

- Trên cơ sở tổng hợp đối tượng, nhu cầu kinh phí và đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã, trước ngày 15/6, Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) thẩm định, tổng hợp đối tượng và nhu cầu kinh phí, có Văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Mẫu số 05 kèm theo Nghị quyết này);

- Sau khi nhận Văn bản đề xuất của đơn vị, địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, thẩm định đối tượng và kinh phí do cơ sở Trợ giúp xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi; tổng hợp nhu cầu kinh phí, có Văn bản gửi Sở Tài chính (Mẫu số 05, 06 kèm theo Nghị quyết này);

- Sau khi nhận Văn bản đề nghị của của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính soát xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí thực hiện chính sách cho các đối tượng.

- Sau khi có Quyết định cấp kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện cấp kinh phí cho các địa phương, đơn vị thuộc đối tượng tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này và cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kinh phí tặng quà cho đối tượng quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều này.

b) Quy trình tặng quà nhân dịp Tết Cổ truyền dân tộc

- Hàng năm, trước ngày 01/12, Ủy ban nhân dân cấp xã (đối với đối tượng do địa phương quản lý), cơ sở trợ giúp xã hội (đối với đối tượng do cơ sở trợ giúp xã hội quản lý) rà soát, tổng hợp danh sách đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ, nhu cầu kinh phí (Mẫu số 04 kèm theo Nghị quyết này), có Văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với Ủy ban nhân dân cấp xã), gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (đối với cơ sở trợ giúp xã hội);

- Trên cơ sở tổng hợp đối tượng, nhu cầu kinh phí và đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp xã, trước ngày 15/12, Ủy ban nhân dân cấp huyện (phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) thẩm định, tổng hợp đối tượng và nhu cầu kinh phí, có Văn bản gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Mẫu số 05 kèm theo Nghị quyết này);

- Sau khi nhận được Văn bản đề xuất của các đơn vị, địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kiểm tra, soát xét đối tượng và kinh phí do cơ sở Trợ giúp xã hội và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi; tổng hợp nhu cầu kinh phí, có Văn bản gửi Sở Tài chính (Mẫu số 05, 06 kèm theo Nghị quyết này);

- Sau khi nhận được Văn bản đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Tài chính soát xét, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cấp kinh phí thực hiện chính sách cho các đối tượng.

- Sau khi có Quyết định cấp kinh phí của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính thực hiện thủ tục cấp kinh phí cho các địa phương thuộc đối tượng tại điểm a, b, c, e, g, i khoản 1 Điều này và cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội kinh phí tặng quà cho đối tượng quy định tại điểm d, đ, h khoản 1 Điều này.”

11. Sửa đổi Mẫu số 01, 02, 03 ban hành kèm theo Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Sửa đổi cụm từ: “Hộ khẩu thường trú” thành “Địa chỉ thường trú”.

12. Bổ sung Mẫu số 04, 05, 06 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh khóa XVIII, Kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ, Website Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL- Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực II;
- Bộ Tư lệnh Quân khu IV;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội Đoàn Hà Tĩnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, HĐ₂.

CHỦ TỊCH



Hoàng Trung Dũng

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND
ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

**UBND CẤP XÃ
(HOẶC CƠ SỞ BTXH)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Danh sách đối tượng đề nghị tặng quà nhân dịp kỷ niệm
Ngày Thương binh - Liệt sỹ/Tết cổ truyền dân tộc theo Nghị quyết số
72/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND**

TT	Họ và tên	Năm sinh	Địa chỉ thường trú	Thuộc đối tượng	Kinh phí (1.000đồng)	Ghi chú
	TỔNG CỘNG					
I	Đối tượng theo điểm a khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 72/2022/NQ-HĐND					
II	Đối tượng theo điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị quyết 72/2022/NQ-HĐND					
III	...					



Ngày tháng ... năm

**Công chức
Tài chính - Kế toán**

**Công chức
Văn hóa Xã hội**

**TM. UBND cấp xã/Cơ
sở BTXH**

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND
ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

UBND CẤP HUYỆN
(HOẶC SỞ LĐ-TB&XH)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Tổng hợp đối tượng và kinh phí đề nghị tặng quà nhân dịp kỷ niệm
Ngày Thương binh - Liệt sỹ/ Tết cổ truyền dân tộc theo Nghị quyết số
72/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND**

TT	Xã, phường, thị trấn/ đơn vị	Số đối tượng				Mức hỗ trợ	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)	Ghi chú
		Tổng cộng	Trong đó					
			Thân nhân hưởng trợ cấp...	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiệm CĐHH...			
	Cộng							
1								
2								
3								

Trưởng phòng
Tài chính-Kế hoạch

Trưởng phòng
Lao động - TBXH

TM. UBND cấp huyện/Sở
LĐ-TB&X

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND
ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh)

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ LAO ĐỘNG - TBXH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**Tổng hợp đối tượng và kinh phí đề nghị tặng quà nhân dịp kỷ niệm
Ngày Thương binh - Liệt sỹ/ Tết cổ truyền dân tộc theo Nghị quyết số
72/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND**

TT	Đơn vị	Số đối tượng				Mức hỗ trợ	Kinh phí thực hiện (1.000 đồng)	Ghi chú (hình thức tặng quà)
		Tổng cộng	Trong đó					
			Thân nhân hưởng trợ cấp...	Con đẻ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm CDHH...			
	TỔNG CỘNG							
I	Chi phí quà tặng							
1	UBND cấp huyện							
2	Cơ sở BTXH							
II	Chi phí khác							

